

Diễn Vạn, ngày 6 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CHĂM SÓC - GIÁO DỤC TRẺ
KHỐI MẪU GIÁO 4 - 5 TUỔI
NĂM HỌC 2024 – 2025

PHẦN A

Phụ lục 1

DỰ KIẾN VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ
ĐỘ TUỔI: 4- 5 TUỔI

(Kèm theo Kế hoạch 118 /KH-MNDV ngày 06/ 9/2024
của Trường MN Diễn Vạn)

(Thực hiện từ ngày 16/09/2024 đến 23/05/2025)

TT	Chủ đề lớn	Chủ đề nhánh	Tuần	Dự kiến thời gian thực hiện
1	Trường Mầm non của bé-Tết trung thu	- Bé vui đón tết trung thu	1	16/09/2024 - 20/09/2024
		- Trường Mầm non Diễn Vạn thân yêu	2	23/09/2024 - 27/09/2024
		- Lớp mẫu giáo của bé	3	30/09/2024 - 04/09/2024
		- Các hoạt động trong trường mầm non.	4	07/10/2024 - 11/10/2024
2	Bản thân và ngày 20/10.	- Bé tự giới thiệu về mình.	5	14/10/2024 - 18/10/2024
		- Ngày hội 20/10	6	21/10/2024 - 25/10/2024
		- Cơ thể của tôi và bạn	7	28/10/2024 - 01/11/2024
		- Tôi cần gì để lớn lên mà khỏe mạnh.	8	04/11/2024 - 08/11/2024
3	Gia đình và ngày 20/11	- Gia đình bé	9	11/11/2024 - 15/11/2024
		- Ngày hội của cô giáo 20/11	10	18/11/2024 - 22/11/2024
		- Ngôi nhà của bé	11	25/11/2023 - 29/11/2024
		- Đồ dùng trong gia đình bé.	12	02/12/2024 - 06/12/2024
		- Nhu cầu của gia đình bé	13	09/12/2024 - 13/12/2024

4	Một số nghề và ngày 22/12	-Ngày quân đội nhân dân việt nam 22/12	14	16/12/2024 -20/12/2024
		- Nghề sản xuất	15	23/12/2024 - 27/12/2024
		- Nghề bác sĩ	16	30/12/2024 - 03/01/2025
		- Nghề phổ biến quen thuộc	17	06/01/2025 - 10/01/2025
5	Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân	- Cây xanh và môi trường sống	18	13/01/2025 - 17/01/2025
		- Bé vui đón tết – mùa xuân	19	20/01/2025 - 24/01/2025
		- Một số loại hoa, quả	20	03/02/2025 - 07/02/2025
		- Một số loại rau - củ	21	10/02/2025 - 14/02/2025
6	Thế giới động vật- Ngày hội 8/3	- Một số con vật nuôi trong gia đình.	22	17/02/2025 - 21/02/2025
		- Một số con vật sống dưới nước	23	24/02/2025 - 28/02/2025
		- Ngày hội 8/3	24	03/03/2025 - 07/03/2025
		- Một số con vật sống trong rừng	25	10/03/2025 - 14/03/2025
		- Côn trùng và một số loài chim	26	17/03/2025 - 21/03/2025
7	PT và quy định GT	- Một số PT và QĐGT đường bộ, đường sắt	27	24/03/2025 - 28/03/2025
		- Một số PT và QĐGT đường thủy	28	31/03/2025 - 04/04/2025
		- Một số PT và QĐGT đường không	29	07/04/2025 - 11/04/2025
8	Nước và các hiện tượng tự nhiên	- Sự kỳ diệu của nước.	30	14/04/2025 - 18/04/2025
		- Một số hiện tượng tự nhiên	31	21/04/2025 - 25/04/2025
		- Các mùa trong năm.	32	28/04/2025 - 02/05/2025
9	Quê hương đất nước Bác Hồ	-Diễn Vạn quê em	33	05/05/2025 - 09/05/2025
		- Đất nước việt nam	34	12/05/2025 - 16/05/2025
		-Bác hồ kính yêu	35	19/05/2025 - 23/05/2025

Phụ lục 02

B. KẾ HOẠCH CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG TRẺ

ĐỘ TUỔI: 4 - 5 TUỔI

(Kèm theo Kế hoạch số 118 /KH-MNDV ngày 6 tháng 9 năm 2024

của Trường Mầm non Diễn Vạn)

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/ điều chỉnh
1. Tổ chức bữa ăn	a. Số lượng và chất lượng bữa ăn: - Số bữa ăn: Một bữa chính và một bữa phụ. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với trẻ - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 615 - 726 Kcal. - Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. - Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu: + Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13%-20% năng lượng khẩu phần. + Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25%- 35% năng lượng khẩu phần. + Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52%- 60% năng lượng khẩu phần. - Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ MG gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng; - Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kỹ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay... nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn	CBQL, Giáo viên, nhân viên nấu ăn, Phụ huynh	

	- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống. b. Chăm sóc bữa ăn <i>* Trước khi ăn:</i> - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng VS trước và sau khi ăn; <i>* Trong khi ăn:</i> - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kỹ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ. - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở. Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ <i>* Sau khi ăn:</i> - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Đánh răng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng.		
--	--	--	--

	- Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung; - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp.		
2. Tổ chức giấc ngủ	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (150 phút). - Gối, chiếu cho trẻ ngủ phải được giặt, phơi thường xuyên không để ẩm mốc * Trước lúc cho trẻ ngủ: - Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ. - Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy chăn gối - Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông). * Trong khi ngủ - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác * Sau khi thức dậy - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngại ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngột làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ.	- Giáo viên chủ nhiệm - NV nấu ăn	
3. Tổ chức vệ sinh	a. Vệ sinh cô: - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn,	Giáo viên và bảo vệ	

	chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm b. Vệ sinh cá nhân trẻ - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng). - Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để gv có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết). - Trong thời điểm dịch bệnh đang xảy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; Cho trẻ đánh răng. Giáo viên có thể pha nước muối loãng để tại lớp cho trẻ súc miệng. Chú ý các ký hiệu bàn chải của trẻ và nơi để bàn chải đánh răng cho trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, an toàn. - Quần áo, giày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa. c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp <i>* Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:</i> - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp		
--	---	--	--

	gọn gàng, khoa học để dễ lấy, để tránh đồ dùng chất đầy, lộn xộn trong kho nên hằng ngày giáo viên lười không đưa ra sử dụng. - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy; - Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. - Bô đi vệ sinh của trẻ được cọ rửa bằng dung dịch sát khuẩn hằng ngày và được úp khô ráo. + Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước. + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy VS đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kỹ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kỹ năng vệ sinh). + Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ <i>* Xử lý rác và nước thải trong nhà trường</i> - Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày. - Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng. - Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khắm ố màu phải kiểm tra và xử lý nguồn nước sinh hoạt.		
--	--	--	--

4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	a. Chăm sóc sức khỏe * Khám sức khỏe - Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai- mũi- họng, răng- hàm- mặt, cơ- xương- khớp... nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp. - Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe * Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ. - Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao - Theo dõi cân nặng và chiều cao 3 tháng/lần (vào tháng 9, 12/2024 và tháng 3/2025)- Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp PH chăm sóc trẻ b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp: - Phối hợp với trung tâm y tế tuyên truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng. - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xảy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sởi, thủy đậu...) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường. c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm - Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viêm đẹn hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau:	- CBQL - Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên y tế, - Trạm y tế xá, - Bệnh viện đa khoa Phủ Diễn - Phụ huynh	
---	---	---	--

	+ Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, cồn iốt loãng 2,5%) + Thuốc hạ sốt; OERSOL; Thuốc nhỏ mắt trẻ em + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương. + Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao. Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu trẻ bị một phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên. <i>d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp</i> - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương, đặc biệt chú ý phòng chống bệnh tay chân miệng và bệnh thủy đậu... - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.		
--	--	--	--

**C. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC ĐỘ TUỔI 4 – 5 TUỔI
NĂM HỌC 2024 - 2025**

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
I. Lĩnh vực Phát triển thể chất a. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
1. Trẻ khỏe mạnh, cơ thể phát triển cân đối về cân nặng và chiều cao . Trẻ trai + Cân nặng từ 14.4 - 23.5kg + Chiều cao từ 100.7 - 119.1 cm Trẻ gái+ Cân nặng từ 13.8 - 23.2 kg + Chiều cao từ 99.5 - 117.2 cm	- Trẻ ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng để khỏe mạnh và phát triển cân đối về cân nặng và chiều cao. - Tập các bài tập thể dục thường xuyên. - Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ. - Cân đo theo dõi sức khỏe trẻ qua biểu đồ. Khám sức khỏe định kỳ. - Phòng chống dịch bệnh, suy dinh dưỡng, béo phì cho trẻ.
2. Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng). +Thịt, cá,... có nhiều chất đạm. + Rau, quả chín có nhiều vitamin. + Gạo, ngô, khoai, sắn...có nhiều chất bột. + Dầu, mỡ, vừng, lạc, bơ...có nhiều chất béo.
3. Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày, dạng chế biến đơn giản.	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm , món ăn. + Gạo để nấu cơm + Rau , củ...nấu canh, xào hoặc luộc + Thịt, cá, tôm....nấu kho, rim, rán. - và biết ăn để cao lớn , khỏe mạnh, thông minh và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng suy dinh dưỡng, béo phì....)
4. Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	- Tập đánh răng , lau mặt - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.
5. Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng , không rơi vãi , đổ thức ăn.	- Rèn luyện kỹ năng tự cầm bát thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi , đổ thức ăn.
6. Trẻ Có một số hành vi tốt trong ăn uống:	- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau...

	- Không uống nước lã. - Không nói chuyện riêng hay trêu chọc bạn trong khi ăn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Trong khi ăn không được khạc nhổ bừa bãi, muốn ho hắt hơi phải ngoảnh ra ngoài. - Không dùng tay bốc thức ăn, không xúc thức ăn, cơm của mình bỏ sang bát của bạn và ngược lại...
7. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: .	- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giầy khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định. - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.
8.Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm không đến gần; biết các vật sắc, nhọn không nên nghịch	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng và nhận ra những nơi như: hồ,ao, mương nước, suối ,bể chứa nước , ...là nguy hiểm không được chơi gần. - ngã tư đường phố sơ đồ trên sân trường. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ như : Bị bỏng, vật sắc nhọn đâm, đuối nước..... * KNS: + Dạy trẻ phòng tránh đuối nước. + Dạy trẻ không chơi những nơi nguy hiểm + Đội mũ bảo hiểm, thực hành em đi qua ngã tư đường phố. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. * KNS: + Dạy trẻ kỹ năng đi giày dép đúng cách. + Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh bị xâm hại cơ thể + Dạy trẻ xếp gấp quần áo, Dạy trẻ cách mặc quần áo

9. Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở :	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt ... - Không ăn thức ăn có mùi ôi, không ăn lá, quả lạ ...không uống rượu, bia, cà phê không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn - Không được ra khỏi trường khi không được sự cho phép của cô giáo. * KNS: + Dạy trẻ không nhận quà và đi theo người lạ. + Dạy trẻ kỹ năng an toàn khi chơi. + Dạy trẻ không chơi đồ vật nguy hiểm.
10. Trẻ nhận ra một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.	- Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. * KNS: + Dạy trẻ phòng tránh đuối nước. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết. * KNS + Dạy trẻ kêu cứu khi bị bắt cóc + Kỹ năng thoát hiểm khi hỏa hoạn Dạy trẻ kỹ năng phòng và ứng phó với kẻ gian khi ở nhà một mình. + Dạy trẻ kỹ năng ứng xử khi bị lạc bố mẹ.
b. Phát triển vận động	
11. Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh .	* Tay : + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước , sang 2 bên(kết hợp với vẩy bàn tay , nắm ,mở bàn tay) . + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau(phía trước , phía sau , trên đầu). * Lung, bụng , lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái , sang phải. + Nghiêng người sang trái , sang phải - Chân : + Nhún chân + Ngồi xổm đứng lên , bật tại chỗ + Đứng , lần lượt từng chân co cao đầu gối.
12. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:	- Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.
13. Trẻ kiểm soát được vận động:	- Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt đích đặc). * Đi và chạy:

	+ Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi. + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. + Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60 - 80m.
14. Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động:	*Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Đập và bắt bóng tại chỗ. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân. - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp.
15.Trẻ thể hiện nhanh , mạnh , khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp :	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài. * Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4m. + Bò đích dắc qua 5 điểm. + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. + Trườn theo hướng thẳng. + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên, xuống 5 giống thang. * Bật - nhảy: + Bật liên tục về phía trước. + Bật xa 35 - 40cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm).

	+ Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. + Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. + Nhảy lò cò 3m.
16. Trẻ thực hiện đúng, được các vận động : - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón tay.	* Cuộn - xoay tròn cổ tay: - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi... * Gập, mở, các ngón tay: - Gập giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cời cúc, khâu, buộc dây.
17. Trẻ phối hợp được các cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động.	- Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cời cúc, buộc dây giày.
II. Lĩnh vực phát triển nhận thức	
a. Khám phá khoa học	
18. Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật ,hiện tượng xung quanh với sự gợi ý , hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng : “Vì sao cây lại héo?; “Vì sao lá cây bị ướn?	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. + Một số hiện tượng tự nhiên + Các mùa trong năm
19. Trẻ phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn , sờ , ngửi , nếm...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. + Cơ thể tôi và bạn. Ngày vui của bà của mẹ. + Tôi cần gì để lớn lên để khỏe mạnh
20. Trẻ làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu. * Trải nghiệm: Thử nghiệm gieo hạt, trồng cây được tưới nước và không tưới nước, theo dõi và so sánh sự quá trình phát triển của cây. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.

21. Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. + Cây xanh và môi trường sống + Một số loại hoa, quả + Một số loại rau, củ. + Một số con vật nuôi trong gia đình. + Một số con vật sống trong rừng. + Một số con vật sống dưới nước. + Côn trùng và một số loại chim.
22. Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu: + Một số PT và quy định giao thông đường bộ, đường sắt. + Một số PT và quy định giao thông đường thủy. + Một số PT và quy định giao thông đường hàng không.
23. Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Một vài đặc điểm tính chất của nước, đất, đá. Cát, sỏi - Làm thí nghiệm: nước bốc hơi, vật chìm nổi, chất tan không tan.
24. Trẻ sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu.
25. Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của

của các đối tượng được quan sát:	nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
26. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình	Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...
b. Khám phá xã hội	
27. Trẻ nói họ và tên, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên , tuổi , giới tính, đặc điểm bên ngoài , sở thích của bản thân + Bé tự giới thiệu về mình
28. Trẻ nói họ tên và công việc của bố mẹ các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Họ tên , công việc của bố mẹ , những người thân trong gia đình và công việc của họ . Một số nhu cầu gia đình. Địa chỉ gia đình (Số nhà, đường phố/ thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)..
29. Trẻ nói tên và địa chỉ gia đình mình (Số nhà, đường phố/ thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)...khi được hỏi, trò chuyện	+ Gia đình bé + Nhu cầu gia đình bé + Đồ dùng trong gia đình bé + Ngôi nhà gia đình bé
30. Trẻ nói tên, địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên , địa chỉ của trường, lớp + Trường Mầm non Diễm vạn Thân Yêu
31. Trẻ nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường
32. Trẻ nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp; Các hoạt động của trẻ ở trường mầm non. + Lớp Mẫu giáo của bé + Các hoạt động trong trường mầm non
33. Trẻ kể tên , công việc , công cụ , sản phẩm/ ích lợi.... của một số nghề khi được hỏi , trò chuyện.	- Tên gọi , công cụ, sản phẩm , các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến , nghề truyền thống của địa phương. + Nghề sản xuất (Nghề nông, , nghề thợ may, nghề thợ mộc...) + Nghề Bác sỹ + Nghề phổ biến quen thuộc (Nghề bác sỹ , nghề bán hàng, nghề cắt tóc, nghề giáo viên, ca sỹ, họa sỹ...)

	+ Nghề truyền thống của địa phương (Làm kẹo lạc, làm muối, mây tre đan, nghề làm cá...)
34. Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội	- Bé vui đón tết trung thu - Ngày vui của bà của mẹ. - Ngày hội của cô 20/11 - Ngày quân đội nhân dân Việt Nam 22/12 - Bé vui đón tết - Ngày vui 8/3 - Tìm hiểu về ngày 19/05
35. Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp , di tích lịch sử ở địa phương	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích , danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội ,sự kiện văn hóa của quê hương , đất nước. + Diễn Vạn Quê em * Di tích lịch sử của quê hương Diễn vạn: Di tích lịch sử về Đền Hoàng Ta Thôn, Nghĩa trang liệt sỹ Diễn Vạn. + Đất nước Việt Nam * Danh lam thắng cảnh nổi tiếng: Lăng Bác Hồ(Hà nội); Quảng trường Hồ Chí minh(Vinh); Làng Sen Quê Bác, Quê hương của Bác (Nam Đàn); .. + KNS: - Dạy trẻ kỹ năng an toàn khi đi du lịch, thăm quan, dã ngoại.
c. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
36. Trẻ biết quan tâm đến chữ số , số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: Bao nhiêu ?; Là số mấy?...	- Chữ số , số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5 + Trẻ nhận biết , quan tâm đến các chữ số và số lượng trong môi trường xung quanh. + Trẻ có khả năng đếm các đối tượng tự 1 đến 10 và trả lời khi được hỏi về các chữ số và số lượng.
37.Trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 10	* Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. + Đếm đến 2, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 2, Nhận biết số 2 + Đếm đến 3, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 2, Nhận biết số 3 + Đếm đến 4, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 2, Nhận biết số 4 + Đếm đến 5, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 2, Nhận biết số 5

38. Trẻ so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	* So sánh số lượng 2 nhóm trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn: + Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 2, so sánh số lượng trong phạm vi 2 + Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 3, so sánh số lượng trong phạm vi 3 + Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 4, so sánh số lượng trong phạm vi 4 + Dạy trẻ tạo nhóm có số lượng 5, so sánh số lượng trong phạm vi 5
39. Trẻ gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm
40. Trẻ tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn .	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn
41. Trẻ sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Trẻ đếm các nhóm đối tượng - Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.
42. Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà , biển số xe; 112 số yêu cầu trợ giúp, tìm kiếm cứu nạn; 113 số công an hoặc cảnh sát; 114 số phòng cháy chữa cháy; 115 số cấp cứu về y tế...)
43. Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại	- Xếp tương ứng 1 – 1 - Ghép đôi - So sánh , phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc + Quy tắc sắp xếp các đối tượng: 1:1:1; 2:2:1; 2:1:2;
44. Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo
45. Trẻ chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 hình (Tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình : Hình vuông , hình tam giác, hình tròn , hình chữ nhật

	+ So sánh sự khác nhau và giống nhau của hình tròn và hình tam giác. ++ So sánh sự khác nhau và giống nhau của hình vuông và hình chữ nhật.
46. Trẻ sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu
47. Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (Phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới ; phía phải –phía trái). + Xác định phía phải- phía trái của bản thân trẻ. - Xác định phía trước- phía sau; phía trên; phía dưới của bản thân trẻ. - Xác định phía trước- phía sau; phía trên; phía dưới của đồ vật so với bản thân trẻ. - Xác định phía trước- phía sau ; phía trên; phía dưới của đồ vật so với bạn khác .
48. Trẻ mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi : sáng , trưa, chiều , tối .
III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
49. Trẻ thực hiện 2-3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	- Nghe, hiểu lời nói và làm theo được 2,3 yêu cầu trong giao tiếp hằng ngày.
50. Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả , con vật , đồ gỗ	- Nghe, hiểu các từ chỉ đặc điểm , tính chất , công dụng: Đồ dùng / thực vật / động vật.... - Nghe, hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả , con vật , đồ gỗ
51. Trẻ lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
52. Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được. Sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Bày tỏ tình cảm , nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn , câu ghép. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn , câu mở rộng , câu phức
53. Trẻ sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...	- Trả lời và đặt câu hỏi: “Ai?”; “Cái gì?”; “ở đâu?”; “Khi nào?”; “Để làm gì?”

54. Trẻ kể lại sự việc theo trình tự. Trẻ kể chuyện có mở đầu , kết thúc.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết - Kể lại truyện đã được nghe. - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.
55. Trẻ đọc thuộc bài thơ, đồng dao, ca dao...	-Đọc các bài thơ , ca dao, đồng dao ,tục ngữ, câu đố , hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Thơ: + CD Mầm non: Dung dăng dung dẻ (Lương Thị Biển), Bé tới trường (Nguyễn Thanh Sáu), Nghe lời cô giáo (Nguyễn Văn Chương), Bập bênh(Lê Thị Hiền), Cô giáo của em (Chu Huy); Tình bạn (Việt Quỳnh); Bạn mới (Thu Hiền); Trăng lưỡi liềm (Nguyễn Hưng Hải) -Ca dao, câu đố, tục ngữ về chủ đề. + CD Bản thân: Tâm sự của cái mũi (Lê Thu Hương), Cô dạy (Phạm Hồ), Bé ơi (Phong Thu), Đôi bàn tay nhỏ xinh (Ngô Thị Bích Hiền); Phải là hai tay (Phạm Cúc); -Ca dao, câu đố, tục ngữ về chủ đề. + CD Gia đình: Lời chào (Nguyễn Tiến Bình); Rửa tay (Phạm Mai Chi) Lấy tăm cho bà (Định Hải), Em yêu nhà em (Đàm Thị Lam Luyến), Quạt cho bà ngủ (Thạch Quỳnh), Lời chào (Phạm Cúc), Thăm nhà bà (Như mạo); Mẹ và con (Nguyễn Bá Đan) Em là cô giáo (Lê Thị Hồng Mai),. -Ca dao, câu đố, tục ngữ về chủ đề. + CD Nghành nghề: Bé làm bao nhiêu nghề (Yên Thao), Cái bát xinh xinh (Thanh Hòa), Đi bừa (Hoàng Dân), Chú giải phóng quân (Cẩm Thơ), Làm Bác Sĩ (Lê Ngân); Chú bộ đội hành quân trong mưa (Vũ Thùy Hương); Ước mơ của bé (Lê Thị Hồng Mai) Em vẽ (Hoàng thanh Hà) -Ca dao, câu đố, tục ngữ về chủ đề. + CD Động vật: Mười quả trứng tròn, Rong và cá, Chuồn chuồn (Phạm Hồ), Ong và bướm, Chim chích bông (Nguyễn Viết Bình), Thi chạy (Cao Xuân Thái); Chuồn chuồn (Phạm Hồ);Ếch học bài (Phạm Thị Lan); Tiếng ve (Chu Huy).

	-Ca dao, câu đố, tục ngữ về chủ đề. + CD Thực vật: Hoa kết trái(Thu Hà), Tết đang vào nhà(Nguyễn Hồng Kiên), Hoa đào(Mai văn Hải), Hoa phượng(Lê Huy Hòa), Dán hoa tặng mẹ, Mẹ và cô(Trần Quốc Toàn); Rau lang, rau muống Na, Dừa (Phạm Hổ); Bác bầu bác bí , Từ hạt đến hoa (Nguyễn Châu); Hoa cúc vàng (Nguyễn Văn Chương); Bó hoa tặng cô (Vương Quân Miện). -Ca dao, câu đố, tục ngữ về chủ đề. + CD Giao thông: Con đường của bé (Thanh Thảo), Thuyền giấy, Đoàn tàu lăn bánh (Tạ Hữu Yên), Đi chơi phố (Trần Nhật Thu),Tiếng động quanh em.Chiếc cầu mới (Thái Hoàng Linh); Xe cần cẩu (Nguyễn Đức); Đèn giao thông (Thái hà). Đèn đỏ đèn xanh -Ca dao, câu đố, tục ngữ về chủ đề. + CD Nước và CHTTN: Ông mặt trời óng ánh (Ngô Thị Bích Hiền), Trưa hè (Dạ Thảo), Cầu vồng (Phạm Hổ), Nước (Vương Trọng), Mưa (Nguyễn Diệu), Mùa hè của em (Tuyết Hoa); Gió (Xuân Quỳnh); Sấm (Trúc Chi); Bốn mùa (Cao Xuân Sơn); Mùa hạ tuyết vời (Phạm Hưng Long), Mưa rơi(Trương Thị Minh Huệ). -Ca dao, câu đố, tục ngữ về chủ đề. + CD Quê hương – ĐN- BH: Hoa quanh lăng Bác(Nguyễn Bao).Em vẽ(Hoàng Thanh Hà), Bác Hồ(Thy Ngọc), Ảnh Bác,Con diều; Buổi sáng quê nội (Nguyễn Lãm Thắng); Sáng tháng năm (Tổ Hữu); Bác thăm nhà cháu (Thái Hòa). -Ca dao, câu đố, tục ngữ về chủ đề.
56.Trẻ bắt chước giọng nói , điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Bắt trước giọng nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp nhân vật trong truyện. - Đóng kịch. Truyện: + CD Mầm non: + Vì sao bé bím nín khóc; món quà của cô giáo (Tú Anh), Nếu Không đi học (Thu Hằng); Thỏ trắng đi học.Vịt con đi học. Bạn mới. + CD Bản thân: Ai lớn nhất, ai bé nhất (Trần Thị

	Hoài), Người bạn tốt (Hoàng Thị Hà), Sự tích chú cuội cung trăng (Truyện cổ tích Việt Nam); Đôi dép (Trần Thị Châu Mỹ); Gấu con bị đau răng (Tạ Thị Liên); Cái môm (Phùng Thành Chung), Cậu bé mũi dài; Mỗi người một việc. + CD Gia đình: Ngôi nhà ngọt ngào; Tích chu (Phỏng theo truyện “Sự tích chim cu), Thỏ dọn nhà; Cháu ngoan của bà (Mai Thị Minh Huệ), Quà tặng mẹ; Cô bé quàng khăn đỏ; Cả nhà đều làm việc (Hà Huyền), + CD Nghề nghiệp: Sự tích quả dưa hấu (Theo truyện cổ Việt Nam), Niềm vui từ bát canh rau cải (Trần Ngọc Trâm); Thần sắt; Người làm vườn và các con trai (Thủy Toàn Dịch). Ba chú lợn con. + CD Thực vật: . Cây Khế (Kim Tuyền) Sự tích cây khoai lang (Truyện cổ tích Việt Nam), Bí mật của rừng xanh, Sự tích các loài hoa, Hoa dân tộc (Xuân Quỳnh), Hạt đỗ sót (Xuân Quỳnh); Sự tích bánh chưng bánh dày; Củ cải trắng; Chú đỗ con; + CD Động vật: Gấu con ngủ đông, Cáo thỏ và gà trống (Thu Thủy), Rùa con tìm nhà, Dê con nhanh trí; Mèo lại hoàn mèo; Sẻ con đáng yêu (Nguyễn Thanh Trang); Đàn ngỗng trời, Kiến con đi ô tô (Phạm Mai Chi), Một chuyến thăm quan (Phạm Ngọc Cài). + CD Giao thông: Kiến thi an toàn giao thông (PGĐT Yên Bái); Qua đường; Xe lu và xe ca; Kiến con qua đường; Xe đạp trên đường phố + CD Nước và HT Tự nhiên: Đám mây xấu xí (Nguyễn Văn Thắng), Nàng công chúa chuột, Cầu Vòng (Phương Nhi), Hồ nước và mây (Sưu tầm); Lời ru của trăng (Xuân Quỳnh); Gió và mặt trăng, Cầu vòng (Phương Nhi); Giọt nước tí xíu + CD Quê hương - Đất nước – Bác Hồ: Câu chuyện mùa xuân; Quả táo Bác Hồ (Tập thơ Văn Thiếu Nhi), Sự tích mùa xuân, Sự tích Hồ Gươm.
57. Trẻ sử dụng các từ: “Cảm ơn”; “xin lỗi”; “Mời cô”; “Mời bạn”... trong giao tiếp	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép
58. Trẻ biết điều chỉnh giọng nói	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp

phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
59. Trẻ biết chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
60. Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (đọc vẹt)	- Đọc truyện qua các tranh vẽ - Làm quen với cách đọc sách (hướng đọc : từ trái sang phải , từ trên xuống dưới; đọc ngắt nghỉ sau các dấu). - Phân biệt phần mở đầu , kết thúc của sách - Giữ gìn bảo vệ sách - Nhận dạng một số chữ cái đơn giản.
61. Trẻ mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật , hiện tượng, tranh ảnh
62. Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, , cấm lửa	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm , biển báo giao thông: đường cho người đi bộ ...)
63. Trẻ sử dụng ký hiệu để “viết” tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng	- Làm quen với cách viết tiếng Việt (hướng viết : từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới). - Tập tô, tập đồ các nét chữ (nét thẳng, nét ngang, nét xiên trái, nét xiên phải...Tô chữ cái rộng, chữ số rộng).
IV. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ	
64. Trẻ vui sướng , vỗ tay , làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật , hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát , bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
65. Trẻ chú ý nghe , thích thú (hát , vỗ tay , nhún nhảy , lắc lư) theo bài hát , bản nhạc , thích nghe và đọc thơ , đồng dao, ca dao, tục ngữ , thích nghe và kể câu chuyện	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi , dân ca). - Nghe hát: + CD Mầm non: Bàn tay cô giáo (Nhạc Phạm Tuyên-lời Thơ Định Hải); Chiếc đèn ông sao (Phạm Tuyên; Trường mẫu giáo yêu thương (Hoàng Văn Yến), Trường làng tôi (Trương Quang Lục); Đi học (Bùi Đình Thảo); Ngày đầu tiên đi học (Nguyễn Ngọc Thiện); Cô Giáo (Đỗ Mạnh Tường)..... + CD Bản thân: “Rửa mặt như mèo”; “Tập rửa mặt”; “Xòe bàn tay, nắm ngón tay” “Tay thơm, tay ngoan”, “Đường và chân”, “Khuôn mặt cười”, “Cái mũi, Mừng sinh nhật”..... + CD Gia đình: Bàn tay mẹ (nhạc Bùi Đình Thảo – lời thơ Tạ Hữu Yên); Chỉ có một trên đời (nhạc Trương Quang Lục – ý thơ Liên Xô); Bó là tất cả (Thập Nhất); Ngôi sao nhỏ; Cho con (nhạc Phạm

	Trọng Cầu-lời thơ Tuấn Dũng); Lời ru mùa đông (Đặng Hữu Phúc); Ru con (DC Nam bộ)..... + CD Nghành nghề: Màu áo chú bộ đội(Nhạc và lời Trần Văn Tý); Hạt gạo làng ta(nhạc Trần Việt Bính – Lời thơ Trần Đăng Khoa); Thì thầm đồng quê; Xe chỉ luôn kim(Dân ca Quan họ Bắc Ninh); Đi cấy(Dân ca Thanh Hóa), Người giáo viên nhân dân + CD Động vật: Chị ong nâu và em bé, Con chim vành khuyên (Hoàng Vân),Chú voi con, Lý con sáo gò công(Dân ca Nam Bộ), Lý con khỉ(Dân ca Nam Trung Bộ); Gà gáy le te (DC Cống Khao))..... + CD Thực vật: Cây trúc xinh, Lý cây bông(Dân ca Nam Bộ), Hoa trong vườn(Dân ca Thanh Hóa), Mùa xuân ơi(Nguyễn Ngọc Thiện), Hoa thơm bướm lượn(Dân ca Quan họ Bắc Ninh), Trồng cây, Miền nam của em (Hoàng Nguyên))..... + CD Giao thông: Những cô gái trên dòng sông quan họ (Phó Đức Phương), Ngồi tựa mạn thuyền (Dân ca quan họ Bắc Ninh), Anh phi công ơi(Nhạc Xuân Giao – lời Thơ Xuân Quỳnh),..... + CD Nước và hiện tượng tự nhiên: Hạt nắng hạt mưa, Nhạc rừng (Hoàng Việt), Reo vang bình minh(Lưu Hữu Phước),Mưa rơi (DC Xá); Bèo dạt mây trôi,..... + CD Quê hương – Đất nước – Bác Hồ: Ai yêu nhi đồng bằng BHCM(Phong Nhã), Làng tôi (Văn Cao), Việt Nam Quê hương tôi (Đỗ Nhuận), Quê hương Nhạc Giáp Văn Thạch – lời Thơ Đỗ Trung Quân)Dân ca địa phương; Xòe hoa (DC Thá). Em như chim bồ câu trắng,Từ rừng xanh cháu về thăm lăng Bác.
66. Trẻ thích thú, ngắm nhìn , chỉ , sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, ...của các tác phẩm tạo hình.	- Thích thú, ngắm nhìn , chỉ , sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, ...của các tác phẩm tạo hình.
67.Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, ...	- Hát đúng giai điệu , lời ca và thể hiện sắc thái , tình cảm của bài hát. * Dạy hát: + CD Mầm non: Vui đến trường (Hò Bắc), Em đi mẫu giáo(Dương Minh Viên), Em chơi đu(Mộng Lân); Rước đèn dưới ánh trăng(Phạm Tuyên); Vườn trường mùa thu (Cao Minh Khanh);

	Trường chúng cháu là trường mầm non (Phạm Tuyên); Đêm trung thu (Phùng Như Thạch); Những em bé ngoan(Phạm Huỳnh Diệu)..... + CD Bản thân: Mừng sinh nhật (nhạc Anh, lời Đào Ngọc Dung); Mời bạn ăn (Trần Ngọc); Tập đếm(Hoàng Công Sửu), Cái mũi (Lê Đức-Thu Hiền), Tập Rửa mặt(Hồng Đăng);Em lên Bốn(H Lân- Hoàng Long) Bạn ở đâu(nhạc Pháp , lời Lê Đức -Thu Hiền); Thật đáng yêu(Nghiêm Bá Hồng); Tìm bạn thân (Việt Anh); Tay thơm, tay ngoan (Bùi Đình Thảo)..... + CD Gia đình: Cả nhà thương nhau(Phan Văn Minh); Bé quét nhà(Hà Đức Hậu); Múa cho mẹ xem(Xuân Giao); Cháu yêu bà (nhạc và lời Xuân Giao), mẹ yêu không nào (Lê Xuân Thọ), Mẹ đi vắng (Trịnh Công Sơn); Nhà của tôi (Thu Hiền). Cho con(Phạm Trọng Cầu), Bà thương em(Bùi Đình Thảo)..... + CD Ngành nghề: Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng Văn Yến), Bác đưa thư vui tính(Hoàng Lân), Chú bộ đội đi xa(Hoàng Vân), Chú bộ đội(Hoàng Hà); Lớn lên cháu lái máy cày(Nhạc và lời Kim Hữu), Cô giáo(Nhạc Đỗ Mạnh Thường – lời Thơ(Nguyễn Hữu Tường), Cô và mẹ(Phạm Tuyên); Cháu yêu cô thợ dệt (Thu Hiền)..... + CD Động Vật: Cá Vàng bơi Nguyễn Hà Hải), Rửa mặt như mèo(Hàn Ngọc Bích),Con Chim Non Dân ca Pháp), Thật là hay(Hoàng Lân), Gà trống mèo con và cún con(Thế Vinh); Con mèo ra bờ sông (Hoàng Hậu); Vì sao mèo rửa mặt (Hoàng Long); Chú mèo con(Nguyễn Đức Toàn)..... + CD Thực Vật: Quả(Xanh Xanh), Bầu và bí(Phạm Tuyên), Màu hoa(Hồng Đăng), Cùng múa hát mừng xuân(Hoàng Hà), Ngày vui 8/3(Hoàng Văn Yến), Lý cây xanh(Dân ca Nam Bộ), Cây bắp cải(nhạc Thu Hồng lời Phạm Hồ), Sắp đến tết rồi(Hoàng Vân), Mùa xuân đến rồi (Phạm Thị Sửu); em yêu cây xanh (Hoàng Văn Yến); Bầu bí thương nhau (Phạm Tuyên)..... + CD Giao thông: Đường và chân(Nhạc Hoàng Long – Lời thơ Xuân Tửu), Đèn xanh đèn đỏ(Nhạc Lương Vĩnh lời thơ Thế Hội), Em đi qua ngã tư đường phố(Hoàng Văn Yến), em đi chơi thuyền (Trần Kiết Tường).; Đường em đi (Ngô Quốc Tính),
--	---

	Bạn ơi có biết (Hoàng Văn Yến); Đường em đi em nhớ (Nguyễn Thị Thanh)..... + CD Nước và HTTN: Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích); Mùa hè đến, Bốn mùa của bé, Cháu vẽ ông mặt trời (Lợi Huyền), Mây và gió (Minh Quân); Cho tôi đi làm mưa với (Hoàng Hà)..... + CD QH_ĐN_BH: Em yêu thủ đô(Bảo Trọng) Em mơ gặp Bác Hồ (Xuân Giao), Nhớ ơn Bác (Phan Huỳnh Điểu), Hòa bình cho bé (Huy Trân), Quê hương em biết bao tươi đẹp.....
68. Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu , nhịp điệu của các bài hát , bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu * Vận động theo nhịp, theo tiết tấu nhanh, tiết tấu chậm, tiết tấu phối hợp, múa minh họa: + CD Mầm non: Vui đến trường (Hồ Bắc), Em đi mẫu giáo(Dương Minh Viên), Em chơi đu(Mộng Lân); Rước đèn dưới ánh trăng(Phạm Tuyên); Vườn trường mùa thu (Cao Minh Khanh); Trường chúng cháu là trường mầm non (Phạm Tuyên); Đêm trung thu (Phùng Như Thạch); Những em bé ngoan(Phạm Huỳnh Điểu)..... + CD Bản thân: Mừng sinh nhật (nhạc Anh, lời Đào Ngọc Dung); Mời bạn ăn (Trần Ngọc); Tập đếm(Hoàng Công Sứ), Cái mũi (Lê Đức-Thu Hiền), Tập Rửa mặt(Hồng Đăng);Em lên Bốn(H Lân- Hoàng Long) Bạn ở đâu(nhạc Pháp , lời Lê Đức -Thu Hiền); Thật đáng yêu(Nghiêm Bá Hồng); Tìm bạn thân (Việt Anh); Tay thơm, tay ngoan (Bùi Đình Thảo)..... + CD Gia đình: Cả nhà thương nhau(Phan Văn Minh); Bé quét nhà(Hà Đức Hậu); Múa cho mẹ xem(Xuân Giao); Cháu yêu bà (nhạc và lời Xuân Giao), mẹ yêu không nào (Lê Xuân Thọ), Mẹ đi vắng (Trịnh Công Sơn); Nhà của tôi (Thu Hiền). Cho con(Phạm Trọng Cầu), Bà thương em(Bùi Đình Thảo)..... + CD Ngành nghề: Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng Văn Yến), Bác đưa thư vui tính(Hoàng Lân), Chú bộ đội đi xa(Hoàng Vân), Chú bộ đội(Hoàng Hà); Lớn lên cháu lái máy cày(Nhạc và lời Kim Hữ), Cô giáo(Nhạc Đỗ Mạnh Thường – lời Thơ(Nguyễn Hữu Tường), Cô và mẹ(Phạm Tuyên);

	Cháu yêu cô thợ dệt (Thu Hiền)..... + CD Động Vật: Cá Vàng bơi (Nguyễn Hà Hải), Rửa mặt như mèo(Hàn Ngọc Bích), Con Chim Non Dân ca Pháp), Thật là hay(Hoàng Lâm), Gà trống mèo con và cún con(Thế Vinh); Con mèo ra bờ sông (Hoàng Hậu); Vì sao mèo rửa mặt (Hoàng Long); Chú mèo con(Nguyễn Đức Toàn)..... + CD Thực Vật: Quả(Xanh Xanh), Bầu và bí(Phạm Tuyên), Màu hoa(Hồng Đăng), Cùng múa hát mừng xuân(Hoàng Hà), Ngày vui 8/3(Hoàng Văn Yến), Lý cây xanh(Dân ca Nam Bộ), Cây bắp cải(nhạc Thu Hồng lời Phạm Hồ), Sắp đến tết rồi(Hoàng Vân), Mùa xuân đến rồi (Phạm Thị Sửu); em yêu cây xanh (Hoàng Văn Yến); Bầu bí thương nhau (Phạm Tuyên)..... + CD Giao thông: Đường và chân(Nhạc Hoàng Long – Lời thơ Xuân Tũ), Đèn xanh đèn đỏ(Nhạc Lương Vĩnh lời thơ Thế Hội), Em đi qua ngã tư đường phố(Hoàng Văn Yến), em đi chơi thuyền (Trần Kiết Tường).; Đường em đi (Ngô Quốc Tính), Bạn ơi có biết (Hoàng Văn Yến); Đường em đi em nhớ (Nguyễn Thị Thanh)..... + CD Nước và HTN: Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích); Mùa hè đến, Bốn mùa của bé, Cháu vẽ ông mặt trời (Lợi Huyền), Mây và gió (Minh Quân); Cho tôi đi làm mưa với (Hoàng Hà)..... + CD QH_ĐN_BH: Em yêu thủ đô(Bảo Trọng) Em mơ gặp Bác Hồ (Xuân Giao), Nhớ ơn Bác (Phan Huỳnh Điểu), Hòa bình cho bé (Huy Trân), Quê hương em biết bao tươi đẹp.....
69. Trẻ biết cách chơi, luật chơi các trò chơi âm nhạc	Ai nhanh nhất, Ai đoán giỏi, Nghe âm thanh tìm đồ vật, Bạn nào hát, Nghe tiết tấu tìm đồ vật, Nhận hình đoán tên bạn hát, son mi, Hát theo hình vẽ, Tạo dáng, thỏ nhảy vào chuồng; Chim gõ kiến, Hát theo tay cô, bao nhiêu bạn hát, Nghe tiếng hát tìm đồ vật, Tai ai tinh, hãy nhảy cùng tôi...
70. Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	- phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.
71. Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng , xiên , ngang , cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ (Vẽ nét thẳng, nét xiên, nét ngang, nét cong tròn, nét cong nhọn, đường dích dắc, vẽ bút chì, bút sáp, màu nước. vẽ đường nét, vẽ mảng màu, vẽ theo đường bao, tô màu,...) để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục cân đối hài hòa, hợp lý.

	* Vẽ, tô màu: + CD Mầm non: Vẽ, tô màu hoa trong vườn trường; Tô màu cô giáo và các bạn; Vẽ đồ chơi trong lớp học + CD Bản thân: Trang trí áo bé trai, váy bé gái; Tô màu vòng đeo cổ; + CD Gia đình: Vẽ ngôi nhà; Vẽ người thân trong gia đình. + CD ngành nghề: Vẽ, tô màu chú cảnh sát giao thông. + CD Thực vật: Vẽ, tô màu cây xanh; Vẽ, tô màu rau, củ, quả bé thích; Vẽ vườn hoa mùa xuân. + CD Động vật: Vẽ con mèo; Vẽ, tô màu con bướm + CD Giao thông: Vẽ, tô màu tàu hỏa; Vẽ, tô màu ô tô. + CD Nước và HTTN: Xé dán mặt trời và những đám mây; Vẽ, tô màu cảnh mùa hè; Vẽ chiếc ô + CD Quê hương – đất nước – Bác Hồ: Trang trí khung ảnh Bác Hồ; Trang trí dây hoa chào mừng ngày 30/4-01/5. * Vẽ theo đề tài: vẽ đồ chơi, cầu trượt, quần áo, mũ, giày dép, ngôi nhà, cái xoong, đồ dùng trang phục bác sỹ, cây cuốc, bông hoa, con vật, phương tiện giao thông.
72. Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng đường cong.... và dán thành sản phẩm có màu sắc bố cục	- Phối hợp các kỹ năng cắt (Cắt đường thẳng, đường cong, đường cong nhọn, đường dích dắc, đường bao...), xé (Xé vụn, xé dải, xé mảnh, xé theo đường bao, đường cong tròn, đường cong nhọn...), dán (Kỹ năng lấy, phết hồ, đặt đúng vị trí và miết...), để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục cân đối. * Cắt, gấp, xé dán: + CD Mầm non: Cắt, dán hàng rào + CD Bản thân: Cắt dán đôi tất; Cắt dán các khuôn mặt biểu lộ cảm xúc. + CD Gia đình: Cắt, dán ngôi nhà; Làm khung ảnh gia đình; Làm bưu thiếp tặng cô; Xé, dán trang trí

	bình hoa tặng cô giáo; Xé, dán bông hoa trang trí cửa sổ + CD Ngành nghề: Gấp và cắt, dán phong bì; Cắt dán cái thang cho chú công nhân. + CD Thực vật: Cắt, dán hoa; Cắt, dán trang trí cây thông; Xé, dán quả. + CD Động vật: Xé, dán đàn cá; Gấp con chó; Cắt dán con vật sống dưới nước + CD Giao thông: Xé, dán máy bay; Xé, dán máy bay trực thăng; Gấp ô tô buýt. + CD Nước và HTTN: Cắt, dán cầu vồng; Xé dán mặt trời và những đám mây; Làm chong chóng + CD Quê hương – đất nước – Bác Hồ: Cắt, dán hoa mừng sinh nhật Bác
73. Trẻ biết Làm lốm , đồ bẹt , bẻ loe, vuốt nhọn , uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Phối hợp các kỹ năng nặn (Xoay tròn, lăn dọc, ấn dẹt, làm lốm, bẻ loe, nắn, vuốt nhọn, uốn cong, vẽ, véo, vuốt, miết, ấn bằng bàn tay...) để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục cân đối, hợp lý. * Nặn: - Nặn vòng tặng bạn, tặng cô giáo; - Nặn bánh kẹo - Nặn đồ dùng trong gia đình: Cái bát, cái xoong,.... - Nặn hoa: hoa hồng, hoa cúc... - Nặn các loại quả: Quả cam, quả cà, quả bầu..... - Nặn các con vật: con lợn, con sâu, con cánh cam... - Nặn đèn giao thông. - Nặn theo ý thích
74. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng , màu sắc khác nhau.	- Sử dụng các kĩ năng xếp hình để tạo ra các sản phẩm tạo hình +
75. Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét ,hình dáng,	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc , hình dáng / đường nét .
76. Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát , bản nhạc	- Lựa chọn , thể hiện các hình thức vận động theo nhạc (Vận động theo nhịp, theo tiết tấu nhanh, tiết tấu chậm, tiết tấu phối hợp, múa minh họa).
77. Trẻ lựa chọn dụng cụ để Gõ đệm theo nhịp điệu ,tiết tấu bài hát.	Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát: xắc xô, phách, mõ...
78. Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Đặt	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.

tên cho sản phẩm tạo hình.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình
V. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	
79. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ	- Tên , tuổi , giới tính của bản thân, bố, mẹ.
80. Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được	- Sở thích , khả năng của bản thân ; *Trải nghiệm: Cho trẻ trồng cây, xới đất....
81. Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. Cố gắng hoàn thành công việc được giao(Trục nhật , dọn đồ chơi).	- Khả năng tự chọn đồ chơi theo ý thích - Cố gắng hoàn thành công việc được giao(Trục nhật , dọn đồ chơi)như: Xếp bàn ghế, kê phản, trải khăn bàn ăn, Lau chùi đồ dùng và vệ sinh lớp cùng cô.
82. Trẻ nhận biết cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui , buồn , sợ hãi , tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt , cử chỉ , giọng nói , tranh ảnh.
83. Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc , tình cảm phù hợp qua cử chỉ , giọng nói ; trò chơi; hát , vận động; vẽ , nặn , xếp hình
84. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ , lăng Bác Hồ ,Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ - Xem tranh ảnh về Bác Hồ, lăng Bác Hồ. - Xem hình ảnh Bác Hồ với thiếu nhi và thiếu nhi với Bác Hồ. - Hình ảnh Bác hành quân với các chiến sỹ và các chú bộ đội. - Dạy trẻ hát, đọc thơ, kể chuyện về Bác.
85. Trẻ biết một vài cảnh đẹp ,lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp , lễ hội của quê hương , đất nước * Di tích lịch sử, cảnh đẹp , lễ hội của Đất nước: Lăng Bác Hồ(Hà nội), Lễ hội đền Hùng Vương (10/3 âm lịch); Quảng trường Hồ Chí minh(Vinh) , Quê nội, quê ngoại của Bác (Nam Đàn)... * Di tích lịch sử, cảnh đẹp , lễ hội của Quê Hương: - Khu du lịch sinh thái Diễn Lâm, biển cửa lò...Lễ hội đền công (Diễn Châu) - Di tích lịch sử đền Hoàng Tá Thôn (Diễn Vạn). - Nghĩa Trang liệt sỹ Diễn Vạn.
86. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình :	- Một số qui định ở lớp , gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng , đồ chơi đúng chỗ ; Trật tự khi ăn , khi ngủ ; đi bên phải lề đường).
87. Trẻ biết nói cảm ơn, xin, lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - Phân biệt được hành vi tốt - xấu - đúng -sai. - Biết nói cảm ơn, xin, lỗi, chào hỏi lễ phép khi

	được giúp đỡ và nhận quà. - Thể hiện được sự ăn năn, áy náy, xấu hổ, lo lắng khi phạm lỗi và nói lời xin lỗi. *KNS: Dạy trẻ kỹ năng chào hỏi lễ phép
88. Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói .Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở .Biết trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (Chơi, trực nhật ...).	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép như: lắng nghe bố mẹ, ông bà, cô giáo và các bạn nói trong khi giao tiếp. - Chờ đến lượt ,hợp tác: Chơi các góc, giờ vệ sinh... - Quan tâm giúp đỡ bạn
89. Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc	- Bảo vệ , chăm sóc con vật cây cối *Trải nghiệm: chăm sóc con vật: Con gà, con mèo, con chó...) *Trải nghiệm: Gieo hạt, trải nghiệm làm vườn, quá trình phát triển của cây.
90. Trẻ bỏ rác đúng nơi quy định .Không bẻ cành , bứt hoa	- Giữ gìn vệ sinh môi trường
91. Trẻ không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt , tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm điện nước khi rửa tay, rửa mặt.
92. <i>Tin học:</i> Biết chơi, điều khiển các trò chơi trên máy tính, Ipat để chơi các trò chơi; chơi điều khiển các trò chơi ứng dụng STEAM	- Hướng dẫn trẻ chơi, điều khiển các trò chơi trên máy tính, Ipat, chơi điều khiển các trò chơi ứng dụng STEAM
93 <i>Ngoại ngữ, Erobich:</i> - <i>Ngoại ngữ:</i> Nghe và trả lời được bằng cử chỉ, hành động, hoặc bằng 1-3 từ, một số mẫu câu đơn giản trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi và khi được hỏi về bản thân và gia đình. - <i>Erobich:</i> Thực hiện được mmột số động tác nhảy nhẹ, vận động về tay và chân. Thể hiện một số bài tập theo nhạc giành cho lứa tuổi mầm non.	- Dạy trẻ chú ý ghe và trả lời được bằng cử chỉ, hành động, hoặc bằng 1-3 từ, một số mẫu câu đơn giản trong một số tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi và khi được hỏi về bản thân và gia đình - Dạy trẻ tập trung ghi nhớ và thuộc động tác theo giao điệu bài hát giành cho lứa tuổi mầm non.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Nguyệt

Phụ trách chuyên môn

Diễn Vạn, ngày 20 tháng 08 năm 2023
Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Mùi

Trần Thị Nguyệt

